

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MMO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MMO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM MMO TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109197467

3. Ngày thành lập: 26/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà i30 - TT10, tổ dân phố 6, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987956756

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập Internet; - Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu.	6190(Chính)
2.	Xây dựng công trình điện	4221
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
6.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
8.	Trồng cây lâu năm khác	0129
9.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
12.	Khai thác gỗ	0220
13.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
14.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
19.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
22.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
23.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
24.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
26.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
27.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
28.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
30.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm loại nhà nước cấm)	4620
32.	Cơ sở lưu trú khác	5590
33.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Khai thác và thu gom than non	0520
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Bán buôn đồ uống	4633
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
40.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
41.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
42.	Khai thác quặng sắt	0710
43.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
44.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
46.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
47.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Phá dỡ	4311
51.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Xuất bản phần mềm	5820
54.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
56.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
66.	Bán buôn tổng hợp	4690
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Lập trình máy vi tính	6201
69.	Cổng thông tin	6312
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
72.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
73.	Cho thuê xe có động cơ	7710
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (điều 28 luật thương mại 2005)	8299
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
76.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
77.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
78.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi Tiết : Tư vấn , môi giới bất động sản	6820
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
80.	Bán buôn thực phẩm	4632

81.	Quảng cáo	7310
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
86.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
87.	Trồng cây hàng năm khác	0119
88.	Trồng cây ăn quả	0121
89.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
90.	Khai thác dầu thô	0610
91.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
92.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
93.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
94.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
95.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
96.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
97.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HẢI NINH	Nhà i30 - TT10, tổ dân phố 6, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	55,000	013294238	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.000	990.000.000	55,000		
2	LƯƠNG VĂN BÌNH	Thôn Phù Mã, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	15,000	012865256	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	27.000	270.000.000	15,000		

3	NGUYỄN VĂN CHI	Thôn Trường Sơn, Xã Ngọc Lương, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	15,000	113605166
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	27.000	270.000.000	15,000	
4	NGÔ BÍCH NGÂN	Xuân Viên 2, Phường Xuân Sơn, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	15,000	051301000044
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	27.000	270.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HẢI NINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 30/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013294238

Ngày cấp: 11/09/2010

Nơi cấp: Công An TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà i30 - TT10, tổ dân phố 6, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà i30 - TT10, tổ dân phố 6, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội